

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC-VĨNH LONG**

Bản án số: 102/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 29 - 9 - 2025.

V/v ly hôn giữa chị A và anh S.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Phụng.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 380/2025/QĐST-DS ngày 15/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Trâm A, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà 14, đường K, phường C, tỉnh Vĩnh Long, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Hoàng S, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số nhà 14, đường K, phường C, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16 tháng 7 năm 2025 nguyên đơn chị Trần Trâm A trình bày: Chị và anh S kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn, chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm về nhiều mặt, không còn tiếng nói chung, cãi vã nhau thường xuyên làm cho tinh thần bị ảnh hưởng nghiêm trọng, nên đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị Trần Trâm A và anh Lê Hoàng S có 01 con chung tên là Lê An N, sinh ngày 21/10/2016. Khi ly hôn chị Trâm A yêu cầu được nuôi con, không yêu

cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Lê Hoàng S được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Trâm A và anh Lê Hoàng S kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên chị Trâm A có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh S, anh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường C, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, anh S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, chị Trâm A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do chị Trâm A cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện chị A và anh S có đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 02 năm 2016. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc hai người đã sống ly thân, anh S được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy anh S không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc chị Trâm A yêu cầu được ly hôn với anh S là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trâm A và anh S chung sống với có 01 con chung tên là Lê An N, sinh ngày 21/10/2016, khi ly hôn chị Trâm A yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu N là do chị Trâm A nuôi dưỡng và tại bản khai ngày 20/9/2025 ý kiến cháu N là muốn sống với chị Trâm A. Nhằm tạo sự ổn định cho cháu N, xét thấy để chị Trâm A tiếp tục nuôi cháu N là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình..

[4] Về cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, nên chị Trâm A phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Trâm A ly hôn anh Lê Hoàng S.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê An N, sinh ngày 21/10/2016 cho chị Trần Trâm A nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh S, nhưng nếu anh S lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Trâm A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh S.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Trần Trâm A nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) chị A đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, theo biên lai thu tiền số 0000860 ngày 24/7/2025, chị Trần Trâm A đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV-Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV-Vĩnh Long;
- UBND phường C, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng

